

Số: 3733 TCT-PCCS  
V/v: Chứng từ nộp thuế GTGT  
khâu nhập khẩu.

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2006

Kính gửi: Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi

Trả lời công văn số 1496/CT-TTr ngày 14/08/2006 của Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi đề nghị hướng dẫn vướng mắc về chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ điểm 1.2.c mục III Phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT quy định: "Thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào được kê khai khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp hóa đơn GTGT hoặc chứng từ nộp thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào phát sinh trong tháng nhưng chưa kê khai kịp trong tháng thì được kê khai khấu trừ vào các tháng tiếp sau, thời gian tối đa là 03 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh".

Về chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu kể từ khi cơ quan Hải quan dừng cấp biên lai thu tiền ngày 31/8/2005 Tổng cục Thuế đã có công văn số 2988/TCT-PCCS hướng dẫn "chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu bằng chuyển khoản qua tài khoản mở tại ngân hàng là giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng chuyển khoản kèm theo giấy báo nợ của Ngân hàng về số tiền thuế chuyển nộp vào Ngân sách Nhà nước". Các trường hợp phát sinh trước khi cơ quan Hải quan dừng cấp biên lai thì chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu là biên lai thu tiền do cơ quan Hải quan cấp.

Trường hợp Doanh nghiệp nộp thuế GTGT của lô hàng nhập khẩu vào tháng 02/2005, trước thời điểm cơ quan Hải Quan dừng cấp biên lai thu tiền thuế nếu có chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu là giấy nộp tiền vào NSNN bằng chuyển khoản kèm theo giấy báo nợ của Ngân hàng về số tiền thuế chuyển nộp vào NSNN thì được kê khai, khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT theo quy định.

Tổng cục Thuế trả lời đề Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi biết và hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, PCCS (2b).5

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Phạm Duy Khương